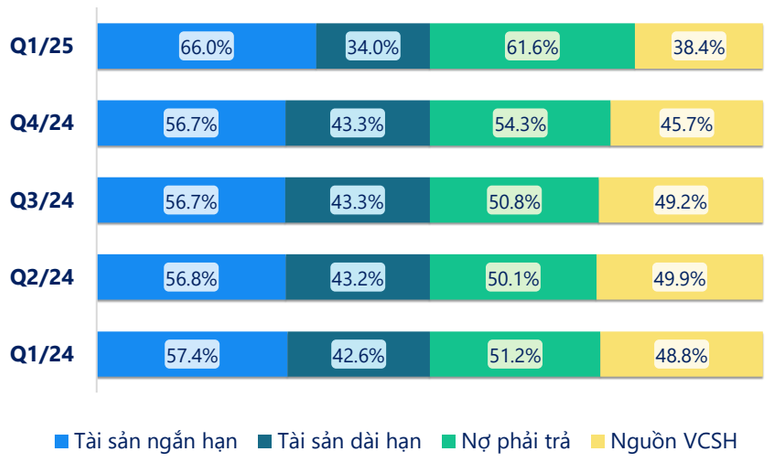
FireAnt

CTCP Đầu tư và Xây dựng VNECO 9 (UPCOM: VE9)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	2,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,700
SL cổ phiếu LH	12,023,613
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,885
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	25
P/E	-25.5
EPS	-82

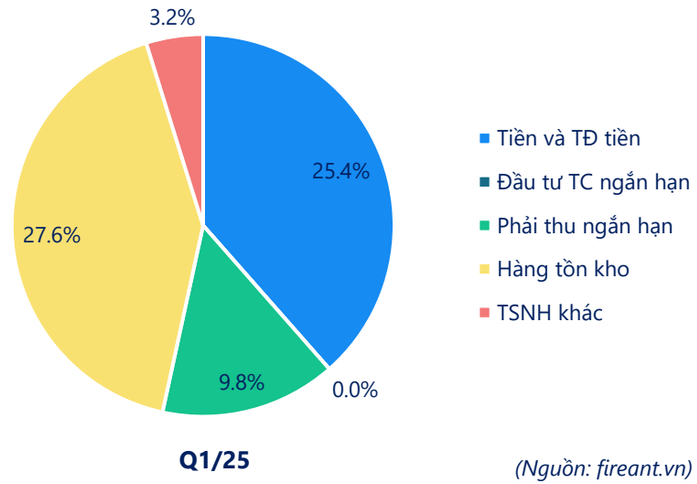
	YTD	1T	3T	6T
VE9	10.5%	0.0%	10.5%	-27.6%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



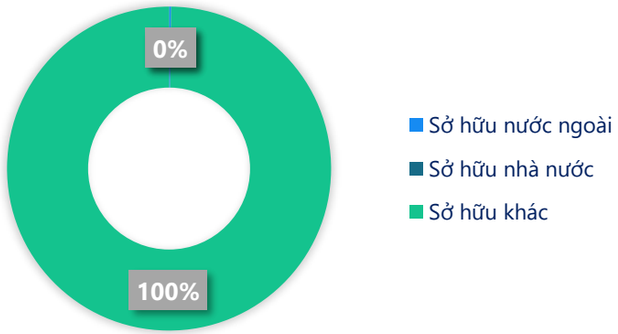
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



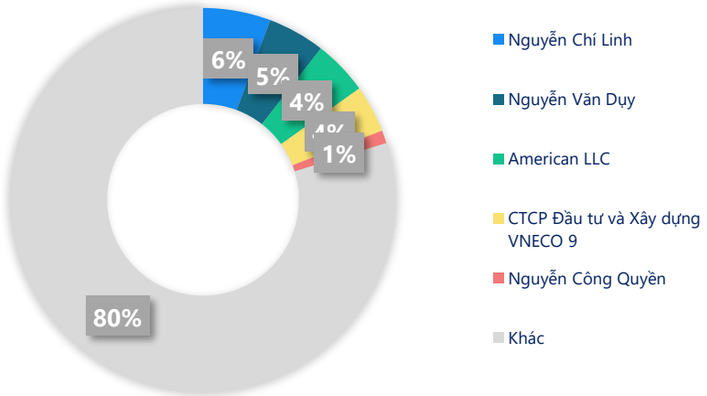
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



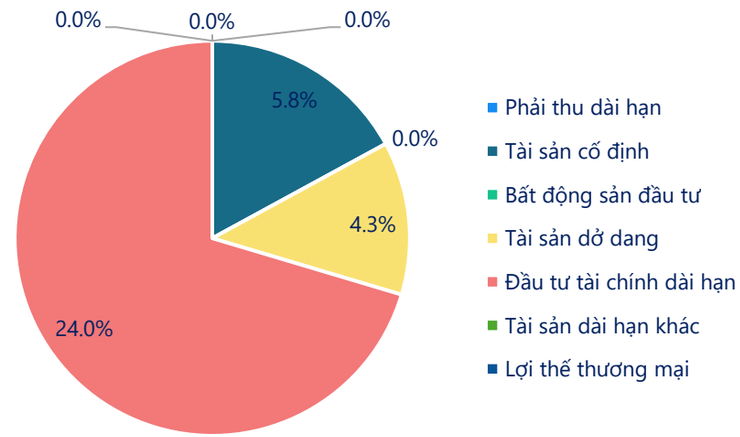
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

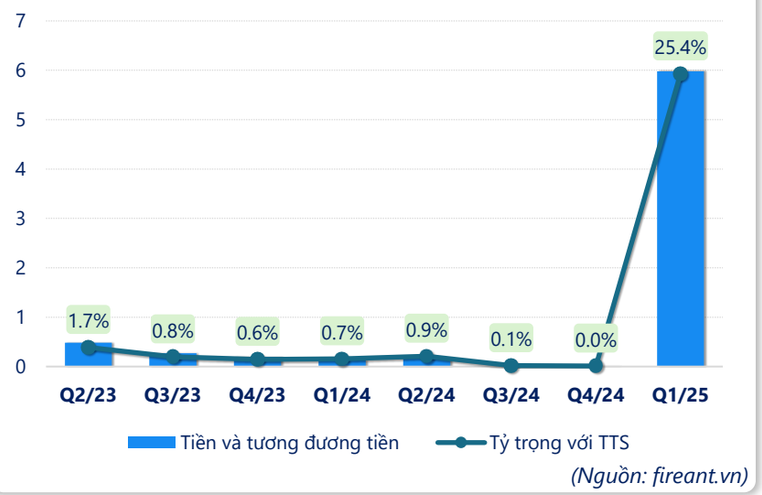


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

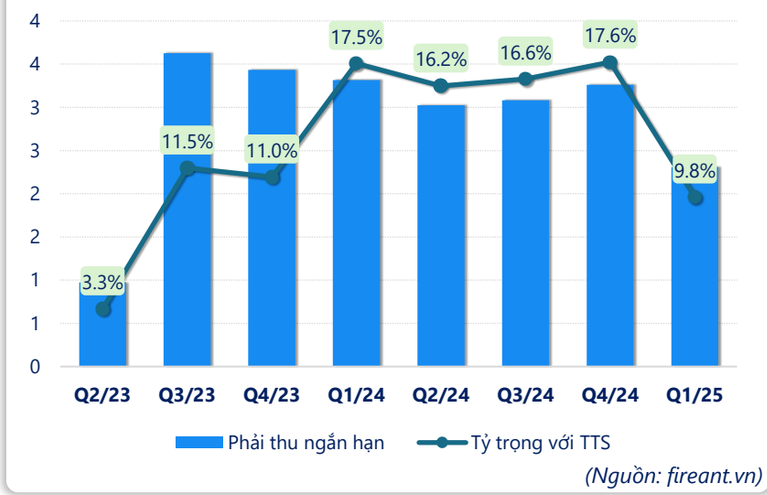
CTCP Đầu tư và Xây dựng VNECO 9 (UPCOM: VE9)

Tiền và tương đương tiền



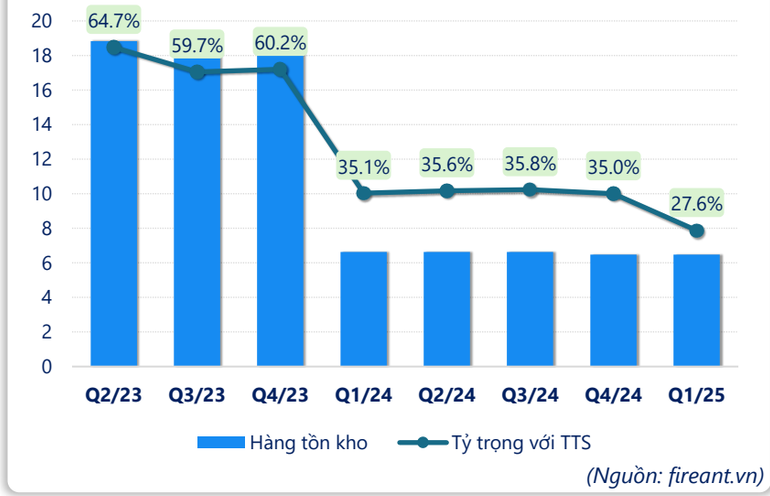
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



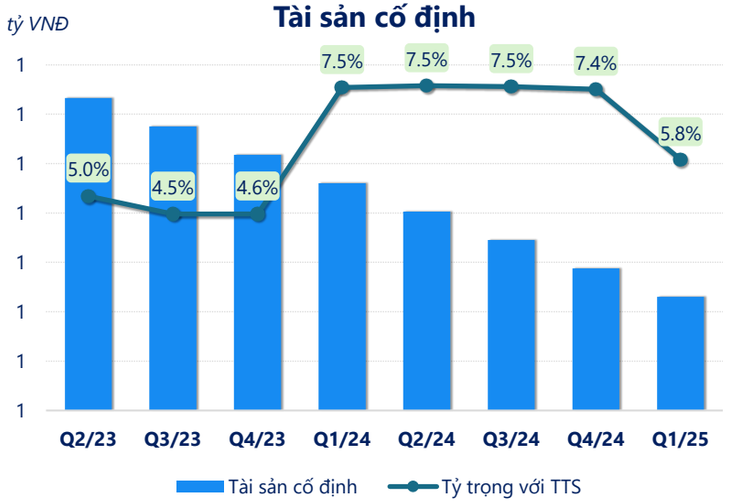
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



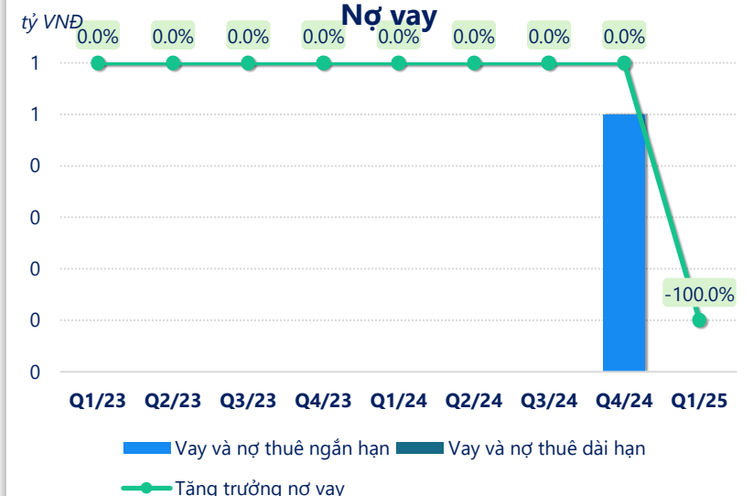
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



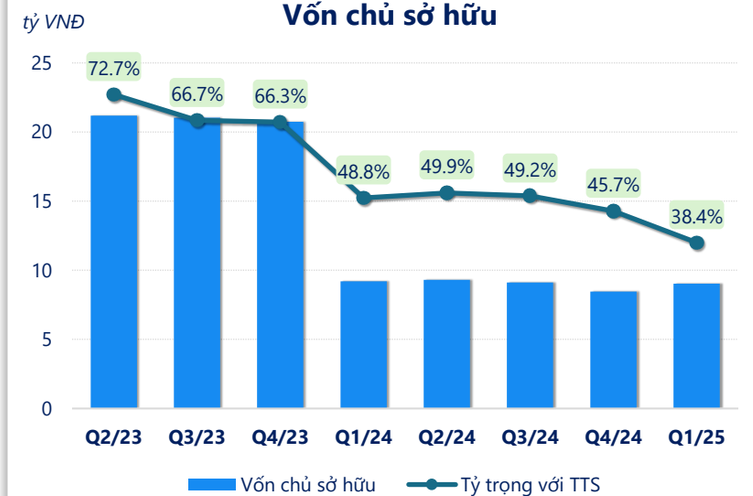
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

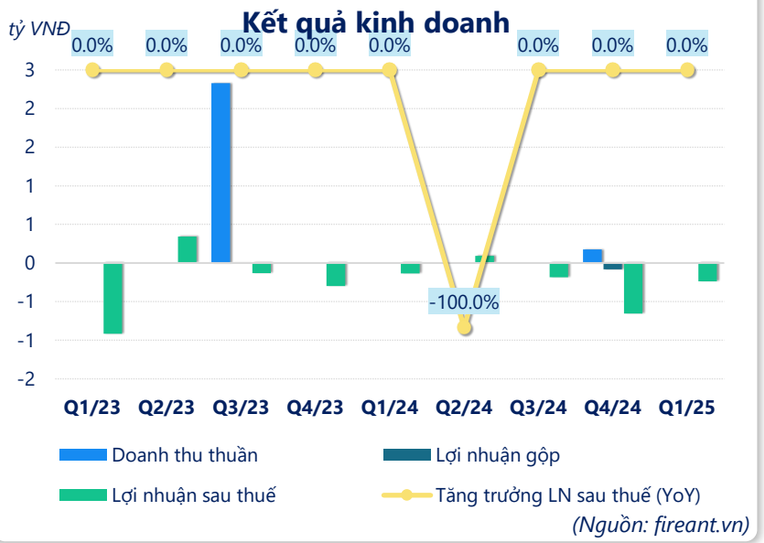
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

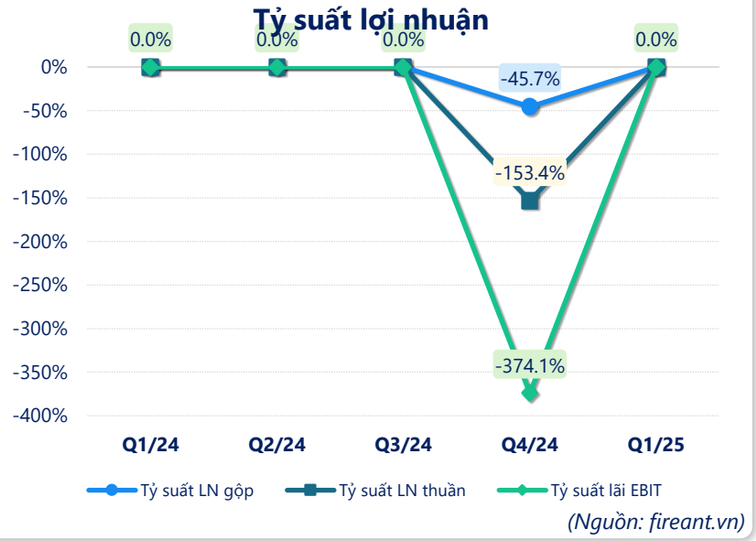
CTCP Đầu tư và Xây dựng VNECO 9 (UPCOM: VE9)

Kết quả kinh doanh



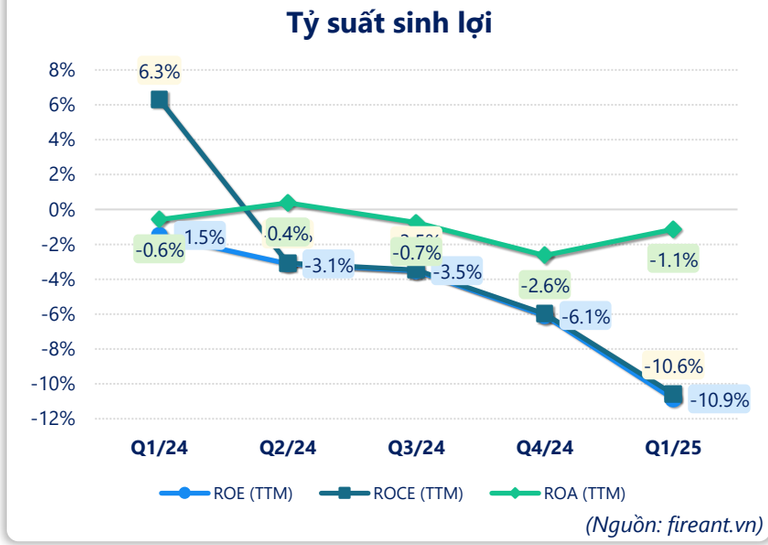
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



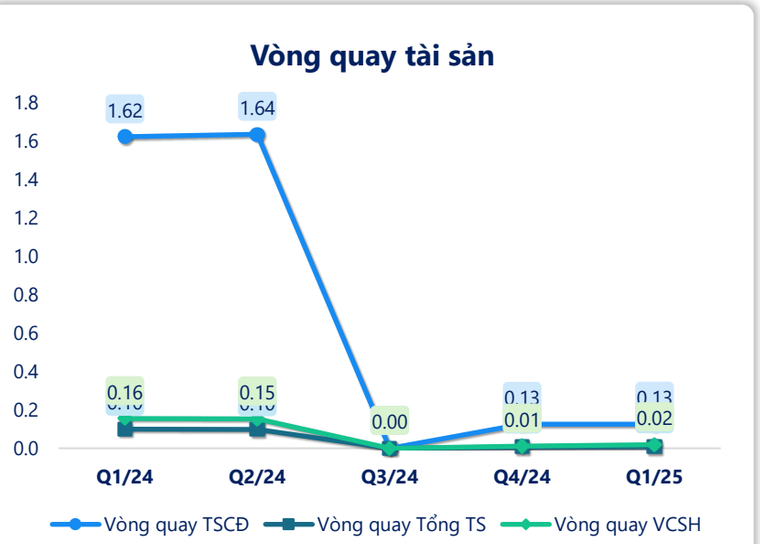
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



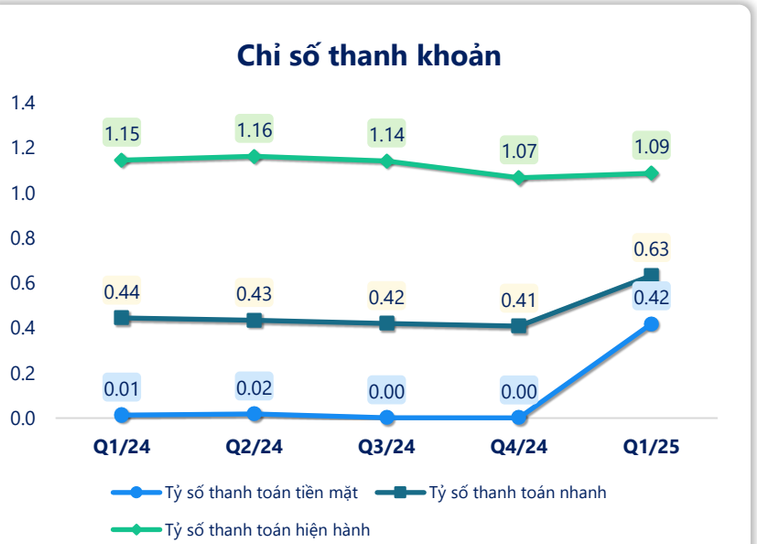
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



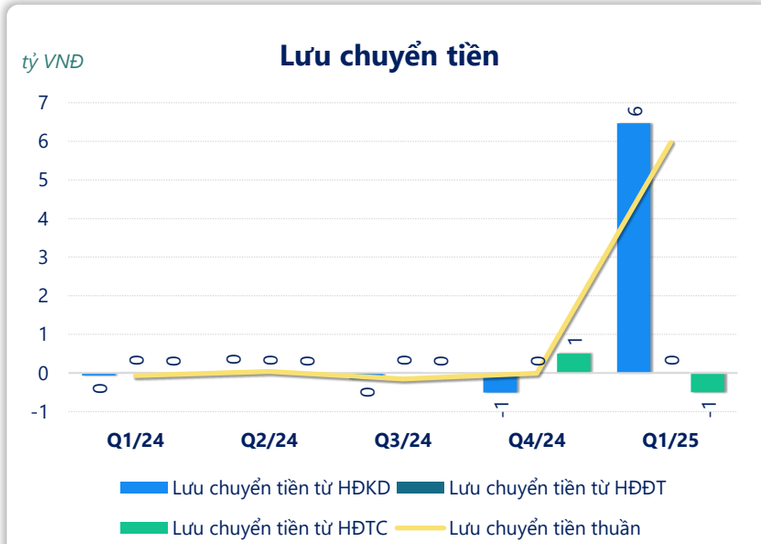
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư và Xây dựng VNECO 9 (UPCOM: VE9)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**23.5**	**19.3**	**21.7%**
Tài sản ngắn hạn	15.5	11.3	37.1%
Tiền và tương đương tiền	5.98	0.01	65503%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	2.31	4.08	-43.4%
Hàng tồn kho	6.48	6.48	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.75	0.75	0.0%
Tài sản dài hạn	**8.01**	**8.02**	**-0.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1.37	1.38	-0.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.01	1.01	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	5.64	5.64	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	14.5	10.1	44.0%
Nợ ngắn hạn	**14.3**	**9.84**	**45.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0.50	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.45	4.49	-1.0%
Nợ dài hạn	0.22	0.22	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**9.03**	**9.27**	**-2.6%**
Vốn chủ sở hữu	**9.03**	**9.27**	**-2.6%**
Vốn điều lệ	125	125	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	0	0	0	0.18	0
Giá vốn hàng bán	0	0	0	0.26	0
Lợi nhuận gộp	0	0	0	-0.08	0
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0	0	0	0	0.00
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0.00
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.14	-0.09	0.19	0.19	0.24
LN thuần từ HĐKD	-0.14	0.09	-0.19	-0.27	-0.24
Lợi nhuận khác	0.00	0	0	-0.39	0.00
LN trước thuế	-0.14	0.09	-0.19	-0.66	-0.24
Lợi nhuận sau thuế	-0.14	0.09	-0.19	-0.66	-0.24
LNST của CĐ cty mẹ	-0.14	0.09	-0.19	-0.66	-0.24

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.07	0.04	-0.15	-0.51	6.47
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0.50	-0.50
Tiền đầu kỳ	0.20	0.13	0.17	0.01	0.01
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.07**	**0.04**	**-0.15**	**-0.01**	**5.97**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.13	0.17	0.01	0.01	5.98

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic